

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 68/2017/HSST

Ngày: 28/11/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quốc Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Phi Đình

- Ông Dương Cao Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại hội trường xét xử hình sự Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2017/ HSST, ngày 02 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình H, sinh ngày: 23/6/1977; Trú quán: xóm 3, xã V, huyện A1, tỉnh A2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 6/12; Con ông: Nguyễn Đình T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị C; Vợ: Trần Thị Thu B; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: có 04. Ngày 30/8/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 17/HSST, đến ngày 20/01/2004 chấp hành xong hình phạt tù, chưa bồi thường xong phần dân sự; Ngày 20/11/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh M, xử phạt 42 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản” đến ngày 21/01/2009 chấp hành xong hình phạt tù, chưa bồi thường xong phần dân sự; Ngày 12/7/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh M, xử phạt 18 tháng tù, về tội “Đánh bạc” tại bản án số 231/2011/HSST. Ngày 01/12/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố VinhN1, tỉnh M, xử phạt 04 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 515/HSST, Tổng hợp hình phạt hai bản án là 05 năm 06 tháng tù. Đến ngày 12/10/2015 chấp hành xong hình phạt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh H1 (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Chị Lê Thị A, sinh năm: 1959; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trú tại: Tổ 8, phường L, thành phố H1, tỉnh H2 (vắng mặt).

Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh năm: 1960; Nghề nghiệp: Hữu trí; Trú tại: Tổ 3, phường L thành phố H1, tỉnh H2 (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Đinh Thị P, sinh năm: 1996; Nghề nghiệp: Sinh Viên; Trú tại: xã Đ, huyện Đ1, tỉnh H2 (vắng mặt).

Chị Lê Thị L1, sinh năm: 1995; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trú tại: Bản K, xã K1, huyện K2, tỉnh K3 (vắng mặt).

Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm: 1991; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: Xóm 3, xã B1, huyện B2, tỉnh B3 (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 04/2/2017, Nguyễn Đình H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu bạc, biển kiểm soát 37M3-6857, đi từ nhà của mẹ vợ ở xã C, huyện C1, tỉnh H2 để về nhà tại xã V, huyện A1, tỉnh A2. Đến khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày, khi đến đường X, thuộc phường L, thành phố H1 thì H nhìn thấy chị Lê Thị A đang điều khiển xe mô tô đi trên đường, có đeo một chiếc túi xách da màu đen từ vai trái sang hông phải nên H nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi xách trên của Chị A. Nguyễn Đình H điều khiển xe áp sát vào hông bên phải xe chị A rồi dùng tay giật mạnh chiếc túi xách và tăng ga tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, H dừng xe mở chiếc túi xách ra để kiểm tra thì thấy bên trong có số tiền 5.000.000đ và một số giấy tờ. H lấy tiền còn giấy tờ để nguyên trong túi rồi vứt lại ven đường (không nhớ địa điểm vứt túi). Sau đó, H đi xe về nhà. Số tiền cướp giật được H tiêu xài vào mục đích cá nhân.

Chiếc túi xách trên không còn giá trị, các loại giấy tờ tùy thân chị A đã làm lại, số tiền 5.000.000đ chị Trần Thị Thu B là vợ của Nguyễn Đình H đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại chị Lê Thị A. Nay chị A không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lần thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 04/4/2017, Nguyễn Đình H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu bạc, biển kiểm soát 37M3-6857 đi từ nhà mình ở xã V, huyện A1, tỉnh A2 vào nhà mẹ vợ ở xã C, huyện C1, tỉnh H2. Khoảng 18 giờ cùng ngày khi đến ngã ba giao nhau giữa đường T và đường Z, H nhìn thấy chị Phạm Thị T đi xe mô tô chở sau là chị Phạm Thị Ngọc L rẽ vào đường T thuộc phường B1, thành phố H1. Chị L ngồi sau có cầm chiếc túi xách màu đen nên H nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Nguyễn Đình H áp sát xe vào bên trái, dùng tay phải giật mạnh chiếc túi xách của chị L rồi tăng ga tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, H dừng lại kiểm tra chiếc túi thì thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 màu hồng, số tiền 1.500.000đ và một số giấy tờ tùy thân của chị L. H lấy điện thoại và số tiền 1.500.000đ, còn giấy tờ và chiếc túi thì H vứt lại bên đường (không nhớ địa điểm vứt túi) và đi về nhà. Ngày 06/4/2017 H bán chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 cho chị Đinh Thị P ở xã Đ, huyện Đ1, tỉnh H2 với giá 3.400.000đ, khi bán H bảo đây là điện thoại mua lại của

bạn. Sau đó, chị P bán lại chiếc điện thoại trên cho chị Lê Thị L1 với giá 4.000.000đ. Số tiền bán điện thoại và cướp giật được H tiêu xài vào mục đích cá nhân.

Chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 đã được thu hồi trả lại cho chị Phạm Thị Ngọc L, chiếc túi xách không còn giá trị, giấy tờ tùy thân chị L đã làm lại và số tiền 1.500.000đ, do bị cáo H hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị P đã nhận lại số tiền 3.400.000đ và chị Lê Thị L1 đã nhận lại số tiền 4.000.000đ từ việc mua bán điện thoại. Không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Theo kết luận định giá tài sản số 95 ngày 26/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố H1 kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu hồng có trị giá: 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 66/CTr-KSĐT ngày 31/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của BLHS năm 1999, xử phạt Nguyễn Đình H từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2017.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận chỉ xin hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, Nguyễn Đình H khai: trong khoảng thời gian từ ngày 04/02/2017 đến ngày 04/4/2017, Nguyễn Đình H đã hai lần thực hiện hành vi Cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố H1, tỉnh H2. Lần thứ nhất: khoảng 17 giờ ngày 04/02/2017 tại khu vực đường X, thuộc phường L, thành phố H1. Nguyễn Đình H cướp giật của Chị Lê Thị A một chiếc túi xách bên trong có 5.000.000đ và một số giấy tờ. Lần thứ hai: vào ngày 04/4/2017, tại khu vực giao nhau giữa đường T và đường Z, khi thấy hai người phụ nữ đi xe máy rẽ vào đường T, thuộc phường B1, thành phố H1 thì Nguyễn Đình H áp sát cướp giật một chiếc túi xách, bên trong có 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 trị giá 4.000.000đ, số tiền 1.500.000đ và một số giấy tờ tùy thân của chị Phạm Thị Ngọc L. H bán chiếc điện thoại trên cho chị Đinh Thị P với giá 3.400.000đ. Tổng giá trị tài sản mà H chiếm đoạt là 10.500.000đ, thu lợi bất chính là 9.900.000đ, số tiền trên H sử dụng cho mục đích tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo sử dụng phương tiện là xe gắn máy nhanh chóng tiếp cận những người bị hại khi đang tham gia giao thông để giật lấy tài sản của họ. Hành vi của bị cáo thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý nên lần phạm tội này là tài phạm nguy hiểm. Bị cáo sử dụng xe gắn máy để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của những người bị hại khi họ đang tham gia giao thông là dùng thủ đoạn nguy hiểm khi thực hiện hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 của BLHS. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội: Nguyễn Đình H phạm tội “Cướp giật tài sản”, quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 của BLHS.

Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội là phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Quá trình phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người bị hại chị Lê Thị A có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo là những tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo đã 04 lần bị kết án, chưa được xóa án tích, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Qua đó, chứng tỏ bị cáo là đối tượng liều lĩnh, xem thường pháp luật, khó cải tạo, giáo dục cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là thỏa đáng.

Trong vụ án này, chị Đinh Thị P, chị Lê Thị L1 là những người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 là tài sản do bị cáo H cướp giật được mà có, tuy nhiên những người này không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra Công an thành phố H1 không đề cập hình thức xử lý là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Về dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và được bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Về biện pháp tư pháp: Cần truy thu số tiền 1.500.000đ, là tiền thu lợi bất chính tại bị cáo H.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu bạc, biển kiểm soát 37M3-6857, mang tên anh Nguyễn Đình Q. Quá trình bị cáo H mượn xe, anh Q không biết H mượn xe để sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an thành phố H1 không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố **Nguyễn Đình H** phạm tội “**Cướp giật tài sản**”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: **Nguyễn Đình H 05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/6/2017.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000đ, tiền thu lợi bất chính tại bị cáo Nguyễn Đình H.

Về án phí: Áp dụng Điều 98, Khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận

- VKSND T.P Hà Tĩnh,
- TAND tỉnh Hà Tĩnh,
- T.H.A.P.T,
- Công an TPHT;
- T.H.A.D.S TPHT,
- Bị cáo, người bị hại,
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan,
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng